TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 22/10/2019
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng V và bà Bùi Thị O*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Quang Đương;

2.Ông Nguyễn Duy Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồ Thu -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST–DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số A, LH, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A sinh năm 1980 – Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy Đ sinh năm 1984 – Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Phạm Tuấn A sinh năm 1991 – Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 1571/2019/UQ-VPB ngày 04/3/2019 của V.

Bị đơn: Bà Bùi Thị O sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn QC, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Tại phiên tòa có mặt ông Phạm Tuấn A sinh năm 1991, vắng mặt bà Bùi Thị O)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 04/3/2019 và trong quá trình xét xử, người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Phạm Tuấn A sinh năm 1991 trình bày:

Ngày 14/11/2016, bà Bùi Thị O có ký hợp đồng vay của Ngân hàng thương mai cổ phần V, chi nhánh Thái Bình – Phòng giao dịch TP theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử đây là hợp đồng số LD1632800414, theo đó bà O có vay số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), không có bảo đảm bằng tài sản; giải ngân ngày 23/11/2016, do khoản vay có khoản mua bảo hiểm tiền vay là 5.706.231 đồng nên khi giải ngân bà O chỉ được nhận là 194.293.769 đồng; phương thức giải ngân mở tài khoản; thời hạn vay 36 tháng, tiền gốc và lãi trả dần hàng tháng khi có thông báo của ngân hàng, thời kỳ trả gốc và lãi đầu tiền 23/12/1016; lãi suất ban đầu là 30%/năm, có điều chỉnh 3 tháng một lần, biên độ (+) 22%/năm; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất nợ trong hạn, vay để mua sắm vật dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: bắt đầu từ ngày 23/12/2016 bà O đã trả được lãi và trả dần số tiền gốc theo quy định, bắt đầu từ ngày 23/10/2017 bà O đã vi phạm hợp đồng không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận, nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 23/10/2017. Tính đến ngày 22/10/2019, bà O đã trả được cho V: tiền gốc 40.124.398 đồng; tiền lãi 57.933.035 đồng; tiền phạt 1.131.850 đồng, bà O còn phải trả cho V số tiền: tiền gốc 159.875.611 đồng; tiền lãi quá hạn là 138.444.496 đồng; tiền phạt 68.058.411 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa V có ý kiến rút yêu cầu khởi kiện số tiền phạt là 68.058.411 đồng, như vậy bà O còn phải trả cho V số tiền là: tiền gốc 159.058.518 đồng + lãi quá hạn 138.444.496 đồng = 298.320.107 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiêu dùng giữa V với bà Bùi Thị O đến ngày bà O thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị O vắng mặt nhưng tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải bà O trình bày: Bà xác nhận thời gian vay, số tiền vay, mức lãi suất cũng như quá trình thực hiện hợp đồng là đúng. Bà O còn xác nhận số tiền bà đã trả tính đến ngày 29/8/2019 (ngày hòa giải) là: tiền gốc 40.124.398 đồng; tiền lãi 57.933.035 đồng; tiền phạt 1.131.850 đồng, số tiền bà còn phải trả cho V là: tiền gốc

159.875.611 đồng, tiền lãi 115.588.945 đồng và tiền phạt 49.260.277 đồng, tổng cộng số tiền phải trả là 324.724.833 đồng. Bà đề nghị với V cho bà trả khoản nợ trên theo phương thức trả dần từng tháng phù hợp với khả năng trả nợ của bà.

Bà O còn trình bày, khi vay bà đã cung cấp đia chỉ của chồng bà là ông Vũ Văn Đ và số điện thoại của chị dâu bà là chị Lê Thị Việt H để V làm thủ tục theo quy định. Khoản nợ trên là do bà tự chịu trách nhiệm cá nhân, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ vì thời gian đó vợ chồng đã ly thân, khoản vay này cũng không liên quan đến bất cứ ai khác. Bản thân bà và gia đình bà tại thị trấn QC không có hoạt động kinh doanh bánh đa, bánh cuốn hay bất kỳ hàng hóa, dịch vụ nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên VKS không có ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của V về việc yêu cầu bà Bùi Thị O trả số tiền phạt là 68.058.411 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V, buộc bà Bùi Thị O có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho V tính đến ngày 22/10/2019 là tiền gốc 159.058.518 đồng + lãi quá hạn 138.444.496 đồng = 298.320.107 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân giữa V với bà Bùi Thị O đến ngày bà O thực tế thanh toán hết nợ tại V; bà Bùi Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: V khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị O trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng LD1632800414 đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn bà O có nơi cư trú tại Tổ A, thị trấn QC, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án

thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà Bùi Thị O nhưng bà O vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo quy tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử là hợp đồng số LD1632800414. Văn bản xác nhận giữa bà Bùi Thị O với V, V chấp thuận cho bà O vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng được trừ đi khoản bảo hiểm tiền vay là 5.706.231 đồng nên khi giải ngân bà O chỉ được nhận là 194.293.769 đồng. Đây là Hợp đồng tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản, thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết khi ký hợp đồng. Bà O đã ký hợp đồng tín dụng với nội dung vay của V số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 23-11-2016, sau khi trừ đi khoản phí bảo hiểm cho khoản vay bà O đã nhận đủ số tiền vay qua tài khoản giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng bà O đã trả được 40.124.389 đồng tiền gốc, 57.933.035 đồng tiền lãi và 1.131.850 đồng tiền phạt. Tổng cộng bà O đã trả là 99.189.274 đồng (theo bảng kê tính lãi cụ thể của V cung cấp cho Tòa án). Kể từ ngày 23/10/2017 đến nay bà O không thanh toán cho V bất cứ khoản tiền nào nữa. Như vậy bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện bà Bùi Thị O là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét về nghĩa vụ trả nợ:

Mục đích của Hợp đồng tín dụng giữa bà Bùi Thị O và V là vay tiêu dùng, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thanh Hóa lấy lời khai của ông Vũ Văn Đ. Ông Vũ Văn Đ khai: Ông là chồng bà Bùi Thị O, ông không biết bà O vay số tiền 200.000.000 đồng của V, thời gian đó vợ chồng đã ly thân nên bà O không bàn bạc gì với ông, ông không biết khoản nợ này nên ông không có nghĩa vụ trả nợ cho V cùng với bà O, ông xác nhận bản thân ông và gia đình không có hoạt động kinh dO, sản xuất bánh đa, bán cuốn. V khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Bùi Thị O và ông phải thanh toán trả nợ cho V theo hợp đồng tín dụng ngày 16-11-2016, ông cho rằng đây là của cá nhân bà O ông không liên quan đến Hợp đồng tín dụng giữa bà O và V.

Tại các biên bản ghi lời khai và tại biên bản hòa giải, bà O thừa nhận có vay của V số tiền 200.000.000 đồng, đã trả được tiền gốc 40.124.398 đồng; tiền lãi 57.933.035 đồng; tiền phạt 1.131.850 đồng, từ ngày 23/10/2017, bà O không thanh toán trả cho V số tiền gốc và lãi như đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn trình

bầy, bà chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đã trình bày và bà đề nghị xin được trả nợ dần phù hợp với khả năng trả nợ của bà.

Tại phiên tòa V không chấp nhận đề nghị của bà O về việc bà O xin được trả nợ dần phù hợp với khả năng trả nợ của bà.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự, cần xử buộc bà O phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho V số tiền nợ gốc và lãi theo quy định. Đây là hợp đồng vay giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết theo hướng dẫn tại các Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận yêu cầu này của V buộc bà Bùi Thị O phải thanh toán số tiền nợ lãi phải trả tính từ thời điểm V chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2019) bà O còn phải trả cho V số tiền: tiền gốc 159.875.611 đồng; tiền lãi quá hạn là 138.444.496 đồng; tiền phạt 68.058.411 đồng. Tổng cộng là 366.378.518 đồng *(Ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn năm trăm mười tám đồng)*.

Do tại phiên tòa V có ý kiến rút yêu cầu khởi kiện số tiền phạt là 68.058.411 đồng nên đình chỉ yêu cầu trả tiền phạt là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố dụng dân sự.

Như vậy, bà O còn phải trả cho V số tiền là: tiền gốc 159.058.518 đồng + lãi quá hạn 138.444.496 đồng = 298.320.107 đồng. Buộc bà Bùi Thị O phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bà Bùi Thị O thực tế thanh toán hết nợ tại V.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị O là bên vi phạm hợp đồng tín dụng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, 244 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của V buộc bà Bùi Thị Kiền O phải trả cho V số tiền phạt là 68.058.411 đồng

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (V) đối với bà Bùi Thị O.

Buộc bà Bùi Thị O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc là 159.875.611 đồng, lãi quá hạn là 138.444.496 đồng. Tổng cộng 298.320.107 đồng (*Hai trăm chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn một trăm linh bẩy đồng*) - tính từ ngày 23/10/2017 đến ngày 22/10/2019.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân giữa Ngân hàng V với bà Bùi Thị O đến ngày bà O thực tế thanh toán hết nợ tại V.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị O phải chịu 14.916.005 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn không trăm linh năm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 6.133.000 đồng (*Sáu triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004022 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)